TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HS-ST
Ngày: 08-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 03 tháng 4 năm 2025 đến 08 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 25/3/2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Bích L1, sinh năm 1973 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố M, Thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Quan Thị K (đã chết); Bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và có 02 con: lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến 20/11/2024 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thúy H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Dương Thị K1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: khu vực P, xã T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Châu Thị H1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Nguyễn Trường Đ, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

6. Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn Á, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Bích L1 là công nhân Công ty TNHH W thuộc Khu Công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai trong thời gian làm việc tại Công ty, L1 biết có nhiều công nhân có nhu cầu vay tiền nên đã nảy sinh ý định cho vay lãi nặng với lãi suất 120%/năm (gấp 06 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm) để thu lợi bất chính. Hình thức vay tín chấp, L1 đưa tiền mặt cho người vay, người vay sẽ trả lãi cho L1 vào ngày 11 hàng tháng, còn tiền gốc vẫn giữ nguyên. Từ tháng 01/2023 đến ngày 11/11/2024, L1 sử dụng 104.000.000 đồng cho Ngô Thúy H, Dương Thị K1, Lê Thị L, Châu Thị H1, Nguyễn Trường Đ, Nguyễn Vũ B và Nguyễn Thị Thùy T1 vay tiền. Cụ thể như sau:

Ngô Thúy H (sinh năm 1978) vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 22 tháng (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/11/2024). H đã trả lãi cho L1 tổng cộng 33.000.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 5.500.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 27.500.000 đồng.

- Dương Thị K1 (sinh năm 1979) vay 27.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 11/5/2023 đến ngày 11/11/2024). Kiều đã trả lãi cho L1 tổng cộng 48.600.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 8.100.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 40.500.000 đồng.

- Lê Thị L (sinh năm 1982) vay 25.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 11/5/2023 đến ngày 11/11/2024). Lớn đã trả lãi cho L1 tổng cộng

45.000.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.500.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 37.500.000 đồng.

- Châu Thị H1 (sinh năm 1978) vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng (từ ngày 11/9/2023 đến ngày 11/11/2024). H1 đã trả lãi cho L1 tổng cộng 28.000.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.666.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 23.333.333 đồng.

- Nguyễn Trường Đ (sinh năm 2002) vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 11/9/2024 đến ngày 11/11/2024). Đảm đã trả lãi cho L1 tổng cộng 2.000.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.334 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.666.666 đồng.

- Nguyễn Vũ B (sinh năm 2004) vay 2.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 11/10/2024 đến ngày 11/11/2024). Bằng đã trả lãi cho L1 tổng cộng 200.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.334 đồng, tiền thu lợi bất chính là 166.666 đồng.

- Nguyễn Thị Thùy T1 (sinh năm 1973) vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 11/10/2024 đến ngày 11/11/2024). T1 đã trả lãi cho L1 tổng cộng 500.000 đồng. trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 83.334 đồng, tiền thu lợi bất chính là 416.666 đồng.

Đến 20 giờ 50 phút ngày 11/11/2024, L1 đến Ngân hàng V tòa nhà T thuộc Khu Công nghiệp C N, khi L1 đang sử dụng thẻ ATM của Ngô Thúy H để rút số tiền lãi 1.500.000 đồng thì bị Tổ tuần tra 161 Công an huyện N phối hợp Công an Đồn khu công nghiệp đang tuần tra phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thẻ ngân hàng V của Ngô Thị H2. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho H2 là đúng theo quy định.

- 01 cuốn tập học sinh bên trong có ghi nội dung số tiền vay của H2, K1, L, H1, Đ, B và T1 (được lưu trữ theo hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh của L1 không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại là đúng theo quy định.

- Số tiền 10.400.000 đồng là tiền L1 thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT.VKS-NT ngày 04/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Bùi Thị Bích L1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Liên từ 08 đến 10 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên:

- 01 thẻ ngân hàng V của Ngô Thị H2. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho H2 là đúng theo quy định.

- 01 cuốn tập học sinh bên trong có ghi nội dung số tiền vay của H2, K1, L, H1, Đ, B và T1 (được lưu trữ theo hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh của L1 không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại là đúng theo quy định.

- Tuyên buộc Bùi Bích L1 nộp 103.416.666 đồng là số tiền dùng vào việc phạm tội sung công quỹ nhà nước.

- Tổng số tiền lãi tương ứng 20% cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, bị cáo L1 phải nộp là: 26.216.669 đồng.

- Tuyên buộc L1 phải trả lại cho các bị hại số tiền 43.666.665 đồng thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng sau khi đã trừ tiền gốc (gồm: Ngô Thúy H 12.500.000 đồng, Dương Thị K1 13.500.000 đồng, Lê Thị L 12.500.000 đồng, Châu Thị H1 3.333.333 đồng, Nguyễn Trường Đ 1.666.666 đồng Nguyễn Vũ B 166.666 đồng).

- Buộc Nguyễn Thị Thùy T1 giao nộp 583.334 đồng số tiền gốc còn lại đã vay của Bùi Bích L1 đề sung công quỹ nhà nước.

-Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.400.000 đồng của L1 để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Bùi Bích L1 không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Bích L1 đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 01/2023 đến ngày 11/11/2024, Bùi Bích L1 sử dụng 104.000.000 đồng cho Ngô Thúy H, Dương Thị K1, Lê Thị L, Châu Thị H1, Nguyễn Trường Đ, Nguyễn Vũ B và Nguyễn Thị Thùy T1 vay lãi nặng với lãi suất 120%/năm (gấp 06 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự) để thu lợi bất chính với tổng số tiền 131.083.331 đồng (sau khi đã trừ đi lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 26.216.669 đồng).

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Bùi Bích L1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận: Ngô Thúy H, Dương Thị K1, Lê Thị L, Châu Thị H1 chưa trả số tiền gốc đã vay cho bị cáo L1; Nguyễn Trường Đ đã trả đủ số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng cho L1 sau khi L1 bị bắt; Nguyễn Vũ B đã trả đủ số tiền gốc vay là 2.000.000 đồng cho L1 sau khi L1 bị bắt và Nguyễn Thị Thùy T1 đã trả cho L1 4.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại T1 chưa trả là 1.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất của vụ án mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho những người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo làm công nhân, không có tài sản hay thu nhập gì khác, hơn nữa bị cáo đang nuôi con dưới 18 tuổi ăn học nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L1 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- 01 thẻ ngân hàng V của Ngô Thị H2. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã

trả lại cho H2 là đúng theo quy định.

- 01 cuốn tập học sinh bên trong có ghi nội dung số tiền vay của H2, K1, L, H1, Đ, B và T1 (được lưu trữ theo hồ sơ vụ án)

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh của L1 không dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại là đúng theo quy định.

Số tiền gốc bị cáo L1 sử dụng cho vay, bao gồm tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho bị cáo được xác định là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm cần tịch thu từ bị cáo L1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (sau khi đã cấn trừ các khoản) để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Tuyên buộc Bùi Bích L1 nộp 103.416.666 đồng là số tiền dùng vào việc phạm tội sung công quỹ nhà nước.

- Tổng số tiền lãi tương ứng 20% cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, bị cáo L1 phải nộp là: 26.216.669 đồng.

- Tuyên buộc L1 phải trả lại cho các bị hại số tiền 43.666.665 đồng thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng sau khi đã trừ tiền gốc (gồm: Ngô Thúy H 12.500.000 đồng, Dương Thị K1 13.500.000 đồng, Lê Thị L 12.500.000 đồng, Châu Thị H1 3.333.333 đồng, Nguyễn Trường Đ 1.666.666 đồng Nguyễn Vũ B 166.666 đồng).

- Buộc Nguyễn Thị Thùy T1 giao nộp 583.334 đồng số tiền gốc còn lại đã vay của Bùi Bích L1 nhưng chưa trả (sau khi đã cấn trừ đi số tiền thu lợi bất chính mà L1 đã thu của T1 sung công quỹ nhà nước là 416.666 đồng) để sung công quỹ nhà nước.

-Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.400.000 đồng của L1 để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 38; Điều 46; 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Bích L1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Bích L1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến 20/11/2024.

3. Về các biện pháp tư pháp:

- Tuyên buộc bị cáo Bùi Bích L1 nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 129.633.335 đồng (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), được trừ số tiền đã thu giữ của bị cáo L1 là 10.400.000 đồng theo biên lai số 0007390 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bị cáo L1 còn phải nộp thêm số tiền là 119.233.335 đồng (một trăm mười chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

- Tuyên buộc bị cáo L1 phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 43.666.665 đồng, cụ thể:

+ Ngô Thúy H 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Dương Thị K1 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Lê Thị L 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Châu Thị H1 3.333.333 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

+ Nguyễn Trường Đ 1.666.666 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng);

+ Nguyễn Vũ B 166.666 đồng (một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng);

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thùy T1 giao nộp 583.334 đồng (năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng) để sung công quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bà H, bà K1, bà L, ông H1, ông B có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục thi hành án DS huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hằng